

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI NĂM 2016,**  
**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2017**

**I. TÌNH HÌNH CHUNG:**

Tình hình kinh tế, chính trị thế giới trong năm 2016 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong nước, nền kinh tế đang trên đà phục hồi nhưng với tốc độ chậm. Kinh tế vĩ mô chưa ổn định vững chắc; Sản xuất kinh doanh vẫn còn khó khăn. Thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn nhất là các mặt hàng nông sản, giá nông sản thấp đã tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Công Thương, Ngành đã triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ<sup>1</sup>, Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ<sup>2</sup>, Quyết định số 53/QĐ-UBND tỉnh ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh<sup>3</sup>, ngay từ đầu năm ngành Công Thương đã thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra, cùng với sự phối hợp tốt của các ngành, kịp thời có các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, góp phần bình ổn thị trường, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Năm 2016 các chỉ tiêu kinh tế của ngành đều đạt kế hoạch, cụ thể như sau:

**II. Kết quả hoạt động công nghiệp và thương mại năm 2016 (Có phụ biểu kèm theo):**

**1. Giá trị sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Giá trị sản xuất công nghiệp:**

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2016 ước đạt 16.658,03 tỷ đồng, đạt 100,01% kế hoạch, tăng 9,7% so với cùng kỳ.

**1.2. Tình hình một số nhóm ngành công nghiệp chính:**

- **Công nghiệp khai khoáng:** Năm 2016 ước đạt 225 tỷ đồng, đạt 88,93% kế hoạch, giảm 5,06% so với cùng kỳ.

- **Công nghiệp chế biến, chế tạo:** Năm 2016 ước đạt 10.999,48 tỷ đồng, đạt 109,08% kế hoạch, tăng 15,15% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do hai tháng cuối năm, các nhà máy đường và nhà máy chế biến tinh bột sắn đã đi vào hoạt động niên vụ mới 2016 – 2017 nên giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến dự kiến tăng cao so với các tháng trước. Tình hình một số ngành công nghiệp chế biến chủ yếu như sau:

+ **Chế biến đường tinh chế:** Sản lượng đường tinh chế dự kiến cả năm ước đạt 211.009 tấn, đạt 84,4% kế hoạch, tăng 3,74% so với cùng kỳ.

<sup>1</sup> Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

<sup>2</sup> Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển Doanh nghiệp đến năm 2020.

<sup>3</sup> Quyết định số 53/QĐ-UBND tỉnh ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 147/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11.



Dự kiến nhà máy đường An Khê hoạt động với công suất 18.000 tấn mía cây/ngày sẽ đi vào hoạt động giữa tháng 11/2016; Nhà máy đường Ayun Pa - Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai dự kiến đi vào hoạt động (ngày 05/12/2016) công suất 6.000 tấn mía cây/ngày. Sản lượng đường tinh chế dự kiến cả năm 2016 ước đạt 211.009 tấn, đạt 84,4% kế hoạch, tăng 3,74% so với cùng kỳ.

+ *Chế biến tinh bột sắn*: Sản lượng tinh bột cả năm ước đạt 123.603 tấn, đạt 123,6% kế hoạch, tăng 22,14% so với cùng kỳ.

+ *Chè các loại*: Ước cả năm đạt 1.721 tấn, tăng 0,75% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch.

+ *Chế biến sữa*: Nhà máy sữa tươi 100% - Công ty CP dinh dưỡng Nutifood Tây Nguyên năm 2016 ước thực hiện 12.000 ngàn lít sữa, đạt 60% kế hoạch.

+ *Đá granit*: năm 2016 ước đạt 1.260,66 ngàn m<sup>2</sup>, tăng 0,36% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch.

+ *Phân vi sinh*: Do thị trường tiêu thụ chậm nên sản lượng phân vi sinh đạt thấp so với cùng kỳ và so với kế hoạch. Năm 2016 ước đạt 22.657 tấn, giảm 61,6% so với cùng kỳ, đạt 28,32% kế hoạch.

+ *Sản phẩm MDF*: năm 2016 ước đạt 38.282 m<sup>3</sup>, giảm 4,29% so với cùng kỳ, đạt 70,89% kế hoạch.

+ *Xi măng*: Năm 2016 ước đạt 5.500 tấn, giảm 72,6% so với cùng kỳ, đạt 55% kế hoạch do thị trường tiêu thụ chậm nên sản xuất cầm chừng, bên cạnh đó, nhà máy xi măng Gia Lai đã chuyển đổi sang sản xuất phân hữu cơ vi sinh và phân vô cơ nên sản lượng xi măng đạt thấp so với kế hoạch.

- **Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt**: Tuy trong quý 3/2016 lượng mưa trên địa bàn tỉnh tương đối lớn, nhưng do 6 tháng đầu năm 2016, tình hình thời tiết diễn biến bất lợi, nắng hạn kéo dài, lưu lượng nước về hồ đạt thấp so với trung bình các năm nên sản lượng điện sản xuất đạt thấp. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2016 ước đạt 5.363,5 tỷ đồng, đạt 85,82% kế hoạch, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Sản lượng điện sản xuất trên địa bàn năm 2016 ước đạt ước đạt 5.250,31 triệu kwh, tăng 3,86% so với cùng kỳ, đạt 84,51% kế hoạch; trong đó: Sản lượng điện sản xuất của quốc doanh trung ương năm 2016 ước đạt ước đạt 4.079,48 triệu kwh, tăng 0,18% so với cùng kỳ, đạt 84,37% kế hoạch; sản lượng điện sản xuất của địa phương ước đạt ước đạt 1.170,83 triệu kwh, tăng 19,11% so với cùng kỳ, đạt 88,02% kế hoạch.

- **Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải**: Năm 2016 ước đạt 70,06 tỷ đồng, đạt 100,08% kế hoạch, tăng 18,74% so với cùng kỳ.

### **3. Tình hình hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh**

#### **3.1. Tình hình thị trường hàng hóa nội địa:**

Năm 2016, nhìn chung lượng hàng hóa dồi dào, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu mua sắm của nhân dân, kể cả trong dịp Tết Nguyên đán, các dịp nghỉ lễ 30/4-1/5, Quốc khánh 2/9; thị trường hàng hóa diễn biến tương đối ổn định, không có biến động lớn gây bất ổn thị trường.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2016 ước đạt 44.350 tỷ đồng đạt 100,33% kế hoạch và tăng 16,71% so với cùng kỳ; trong đó kinh tế nhà nước ước đạt 2.387,04 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 5,38%, kinh tế tập thể đạt 6,67 tỷ đồng chiếm tỷ



trọng 0,02 %, kinh tế cá thể đạt 21.941,72 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 49,47%, kinh tế tư nhân đạt 20.015,26 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 45,13%.

### **3.2. Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế biên mậu:**

**a. Xuất khẩu:** Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện năm 2016 đạt 400 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 29,03% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa tăng hầu hết ở các mặt hàng chủ lực; giá cả các mặt hàng xuất khẩu cà phê, giá cao su có những chuyển biến tích cực vào các tháng cuối năm 2016 đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp. Ngoài ra, mặt hàng tiêu hạt cũng đang được các doanh nghiệp trong tỉnh đẩy mạnh xuất khẩu, đạt kim ngạch tương đối lớn khoảng hơn 30 triệu USD; giá cà phê thời điểm tháng 10-11 Giá xuất khẩu khoảng trên 2.000 USD/tấn cao nhất trong vòng 3 năm gần đây (giá thu mua nội địa 44.000-45.000 đồng/kg); mặt hàng cao su tuy tình hình xuất khẩu 2016 giá xuất khẩu phục hồi chậm. Từ tháng 4/2016 thị trường Trung Quốc đã có nhu cầu nhập khẩu trở lại đã gia tăng lượng hàng xuất khẩu; mặt hàng sản lát tăng mạnh về lượng so với cùng kỳ nhưng do giá xuất khẩu giảm, giá trị kim ngạch tăng không tương ứng

**b. Nhập khẩu:** Ước năm 2016 kim ngạch nhập khẩu đạt 145 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 3,57% so với cùng kỳ. Kim ngạch tăng chủ yếu là bò giống, bò thịt do Công ty cổ phần chăn nuôi Gia lai nhập từ Úc về để mở rộng hoạt động chăn nuôi, sản xuất; các mặt hàng khác tăng mạnh.

#### **c. Kinh tế biên mậu:**

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới năm 2016 ước đạt 149 triệu USD, tăng 1,17% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do kim ngạch nhập khẩu tăng (chủ yếu mặt hàng gỗ nguyên liệu). Trong đó:

Xuất khẩu ước đạt 42 triệu USD (các doanh nghiệp trong tỉnh đạt 38 triệu USD), giảm 2,33 % so với cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Xăng dầu: 24 triệu USD, giảm 13,67% so với cùng kỳ; Hàng bách hóa: 2,5 triệu USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ; Năng lượng điện: 2,7 triệu USD, tăng 3,8% so cùng kỳ và một số hàng hóa khác.

Nhập khẩu ước đạt 107 triệu USD (các doanh nghiệp trong tỉnh đạt 96,5 triệu USD), tăng 2,61% so với cùng kỳ. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là: Sản lát: 110.000 tấn/ 18 triệu USD, giảm 24,71 % về lượng, giảm 45,5% về giá trị so với cùng kỳ; Hạt điều: 21.500 tấn/32 triệu USD, giảm 10,7% về lượng, tăng 4,8% về giá trị so cùng kỳ; Gỗ nguyên liệu: 46 triệu USD, tăng 25,8 % so với cùng kỳ và một số mặt hàng khác.

### **3.3. Thực hiện cung ứng hàng chính sách:**

Hàng cấp không thu tiền: Muối iốt năm 2016 đạt 2.812 tấn đạt 102,93% kế hoạch; hỗ trợ cấp phân bón và giống cây trồng với số tiền là 22.026 triệu đồng đạt 100 % kế hoạch; hỗ trợ 2.000 con bò giống, đạt 100% kế hoạch.

## **III. Hoạt động quản lý nhà nước:**

### **1. Công tác quy hoạch – kế hoạch:**

Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí dự án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025, định hướng đến 2035.



Hiện nay, Sở Công Thương đang lập các thủ tục mời thầu.

Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 có xét đến năm 2030: Sở Công Thương đã phối hợp với Công ty Cổ phần Phong điện Tây Nguyên xây dựng đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2030 và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định. Hiện đang phối hợp với đơn vị để bổ sung, chỉnh sửa để trình phê duyệt trong thời gian tới.

Về phát triển các dự án điện mặt trời: Thực hiện chiến lược phát triển các dự án điện mặt trời của Chính phủ tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII hiệu chỉnh), Sở Công Thương cũng đã tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh Gia Lai xem xét, thống nhất về mặt chủ trương cho phép một số nhà đầu tư tiến hành khảo sát, chọn vị trí và lập hồ sơ bổ sung dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện mặt trời vào Quy hoạch phát triển điện lực các cấp.

Để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2016 ngành đã xây dựng chương trình hành động thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu của ngành Công Thương<sup>4</sup>. Ban hành Kế hoạch để triển khai Nghị quyết, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành và của tỉnh<sup>5</sup>.

## **2. Công tác quản lý về Công Thương:**

### **2.1. Về công nghiệp:**

Công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp: Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Đăk Pơ, Chư Prông, Ia Grai, Phú Thiện trình tự, thủ tục thành lập Cụm công nghiệp theo quy định. Tổng hợp báo cáo thông tin về chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm: Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 về việc phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh và văn bản hướng dẫn thực hiện; Thông báo đường dây nóng tiếp nhận thông tin An toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về phân bón vô cơ: Chỉ đạo Chi cục quản lý thị trường tỉnh Gia Lai triển khai phối hợp thực hiện công tác quản lý sản xuất, kinh

---

<sup>4</sup> Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 147/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11; Chương trình hành động thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu ngành công thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 – 2021; Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Quyết định 440a/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

<sup>5</sup> Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; phương hướng hợp tác thương mại Việt nam - Campuchia giai đoạn 2016-2020 báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương; Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch phát triển công nghiệp thương mại năm 2017; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; xây dựng Kế hoạch “Triển khai thực hiện Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới của ngành công thương Gia Lai”; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo quốc phòng của ngành công thương. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bảo đảm công thương năm đầu chiến tranh của tỉnh Gia Lai.



doanh, lưu thông giống cây trồng và công tác quản lý mua bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, xử lý các sản phẩm phân bón công bố hợp quy sai quy định trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu trình UBND tỉnh Đề án khuyến công, kế hoạch phát triển cơ sở chế biến gỗ gắn với công tác bảo vệ rừng; báo cáo tình hình hoạt động đầu tư, thu mua, hỗ trợ đầu tư vùng nguyên liệu mía và hoạt động sản xuất đường trên địa bàn tỉnh.

## **2.2. Về Thương mại – Dịch vụ:**

Xây dựng Kế hoạch bảo đảm cung cầu hàng hóa, bình ổn thị trường giá cả những tháng cuối năm 2016 và Tết Nguyên Đán Đinh Dậu 2017; tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh ban hành chỉ thị quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Xây dựng Kế hoạch tổ chức ngày “quyền người tiêu dùng” theo hướng dẫn của Bộ Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt, triển khai thực hiện và thẩm định dự toán kinh phí tổ chức ngày quyền người tiêu dùng năm 2016; Kế hoạch XTTM đẩy mạnh tiêu dùng và xuất khẩu sản phẩm nông Lâm sản chủ lực của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với hình thức kinh doanh xăng dầu qua trụ bơm tự động, bán lưu động và đề nghị Bộ Công Thương có hướng chỉ đạo giải quyết trường hợp dinh doanh xăng dầu qua trụ bơm tự động; báo cáo lộ trình kinh doanh xăng E5 trên địa bàn tỉnh.

Lĩnh vực Xúc tiến thương mại: Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch Xúc tiến thương mại năm 2016; báo cáo danh sách thương nhân dấu nghiệp vụ giám định thương mại; báo cáo kết quả về hoạt động khuyến mại và hội chợ triền lãm.

## **3. Công tác quản lý năng lượng - kỹ thuật an toàn môi trường**

### **3.1. Về quản lý năng lượng:**

Hiện trạng lưới điện phân phối: Đến nay, số xã, phường, thị trấn đã có lưới điện quốc gia của tỉnh Gia Lai là 222/222, đạt 100% với 315.625/319.992 hộ dân sử dụng điện, đạt 98,64%<sup>6</sup>. Về nguồn điện: Tổng số dự án nhiệt điện được quy hoạch trên địa bàn tỉnh là 03 dự án, hiện có 08 nhà máy thủy điện lớn đang vận hành trên địa bàn tỉnh với tổng công suất là 1907MW. Tổng số thủy điện vừa và nhỏ được quy hoạch trên địa bàn tỉnh là 73 thủy điện<sup>7</sup>.

Tích cực triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, năm 2016, ước sản lượng tiết kiệm điện đạt 17.100.408 kwh so với cùng kỳ, tương đương 30.507,13 triệu đồng<sup>8</sup>.

Năm 2016, UBND tỉnh đã quyết định xuất ngân sách tỉnh với số tiền là 26.982 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

<sup>6</sup> Lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau: Đường dây trung thế có tổng chiều dài: 4.486,57km, đường dây hạ áp thế có tổng chiều dài là 4.009,202km, tổng số trạm biến áp là 3.867 trạm với tổng dung lượng 647.442 kVA..

<sup>7</sup> Trong đó: 35 thủy điện đang vận hành với tổng công suất 286,95MW; 06 thủy điện đang triển khai đầu tư với tổng công suất 56,5MW; 13 thủy điện có trong quy hoạch nhưng chưa có chủ trương đầu tư với 56,5MW; 13 thủy điện có trong quy hoạch nhưng chưa có chủ trương đầu tư với tổng công suất 39,9MW; 17 thủy điện đã loại khỏi quy hoạch với tổng công suất 44,65MW-02 thủy điện đã dừng vận hành với tổng công suất 0,405MW.

<sup>8</sup> Gồm các lĩnh vực sản lượng điện tiết kiệm được trên các lĩnh vực: Hành chính sự nghiệp và chiếu sáng công cộng 991.695 kwh; ánh sáng sinh hoạt 9.135.879 kwh; sản xuất kinh doanh 6.292.226 kwh; các lĩnh vực khác 680.608 kwh..



Thẩm định thiết kế, dự toán của 7 dự án lưới điện; 3 dự án nguồn thủy điện: Pleikeo, Ayun Trung và Krông Pa 2. Thành lập các Đoàn kiểm tra công tác quản lý an toàn đập đối với 32 thủy điện trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, cũng đã phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Kon Tum để tiến hành kiểm tra công tác quản lý an toàn đập đối với 04 thủy điện (*Ia Ly, Sê San 3, Sê San 4 + Sê San 4A*) nằm trên lưu vực sông Sê San thuộc địa bàn 02 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Tham gia ý kiến về sự phù hợp Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến 2020 đã được phê duyệt đối với 120 công trình lưới điện trên địa bàn tỉnh.

### **3.2. Công tác quản lý nhà nước về VLNCN, kỹ thuật an toàn và môi trường:**

Phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra hiện trường, thụ lý hồ sơ cấp, cấp lại 15 giấy phép sử dụng VLNCN, đăng ký sử dụng VLNCN tại 05 địa điểm. Ban hành văn bản thực hiện Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 02/08/2016 của Bộ Công Thương về việc tăng cường công tác quản lý VLNCN. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức 01 lớp Huấn luyện kỹ thuật an toàn và phòng cháy chữa cháy trong sử dụng VLNCN cho 61 học viên của 11 đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Tham gia Hội đồng thẩm định 11 báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng trữ lượng khoáng sản; 02 Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho 5 mỏ khoáng sản. Báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ban hành văn bản về việc triển khai một số nội dung của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP về kinh doanh khí và Thông tư 03/2016/TT-BCT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP. Tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Lĩnh vực môi trường: Tham gia Hội đồng thẩm định 12 báo cáo đánh giá tác động môi trường; 08 phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án khai thác khoáng sản. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường; báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 2016; báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 và Thông báo kết luận số 268a/TB-TTg 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

## **5. Công tác khuyến công và xúc tiến thương mại:**

### **5.1. Khuyến công:**

**Khuyến công quốc gia:** Năm 2016 đã hoàn thành 02 đề án do Bộ công Thương giao với kinh phí 680 triệu đồng<sup>9</sup>.

**Khuyến công địa phương:** Tổ chức 4 lớp tập huấn<sup>10</sup>, tổ chức bình chọn cho 27 sản phẩm, 13 bộ sản phẩm công nghiệp nông thôn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Gia Lai năm 2016 cho 10 sản

<sup>9</sup> Đề án Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị trong sản xuất hạt điều với kinh phí 200 triệu đồng; Đề án hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia Hội chợ triển lãm liên kết vùng kinh tế Tây Nguyên Gia Lai 2016 với kinh phí 480 triệu đồng.

<sup>10</sup> Gồm: Lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động hóa chất cho 32 học viên; lớp huấn luyện, kiểm tra, xếp bậc, cấp thẻ an toàn điện cho 60 học viên; lớp kiểm tra viên điện lực cho 23 học viên; lớp tập huấn chương trình nâng cao năng lực quản lý cho hơn 50 cán bộ thuộc các doanh nghiệp công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.



phẩm, 9 bộ sản phẩm. Tổ chức đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp khu vực, kết quả có 03 sản phẩm đạt giải.

## **5.2. Xúc tiến Thương mại:**

Xuất bản 900 bản tin Công nghiệp và Thương mại (gồm 12 số). Thực hiện 12 chuyên mục (1tháng/1chuyên mục) Truyền hình Công Thương phát sóng trên Đài PT-TH Gia Lai. Tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm của tỉnh tại Hội chợ Công Thương khu vực Miền Trung - Tây Nguyên 2016 tại Đắk Lắk; tham gia triển lãm hàng hóa tại Hội chợ Quốc tế Công nghiệp Thực phẩm Việt Nam 2016 (Vietnam Foodexpo 2016) Hồ Chí Minh.

Tổ chức 05 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn tại các huyện: IaPa, Đăk Đoa, K'Bang, Đứơc Cơ và xã Ia Kênh-Tp.Pleiku. Tổ chức 01 phiên chợ hàng Việt sang biên giới, tại thành phố Bang Lung - Rattanakiri -Vương quốc Campuchia.

Phối hợp với Văn phòng Cục xúc tiến thương mại tại Đà Nẵng tổ chức lớp tập huấn “Phát triển thương hiệu bền vững trong bối cảnh Hội nhập kinh tế quốc tế” cho 100 doanh nghiệp. Phối hợp với Vụ Thị trường trong nước - Bộ Công Thương tổ chức lớp “Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng bán hàng, phân phối hàng hóa, xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp tỉnh Gia Lai” cho 80 doanh nghiệp. Tham dự Hội nghị Kết nối cung cầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên tại thành phố Đà Nẵng năm 2016.

## **5. Công tác quản lý thị trường:**

Năm 2016 tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp nhưng chủ yếu ở quy mô nhỏ. Hàng hóa vi phạm chủ yếu như thuốc lá, đồng hồ, quần áo, giày dép, thực phẩm, mỹ phẩm, phụ tùng xe máy, đồ điện dân dụng, phụ tùng cơ khí. Một số vụ việc vi phạm quy mô lớn đối với các mặt hàng như thuốc lá, phân bón, xăng dầu được phát hiện và xử lý kịp thời. Chi cục đã tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các Đội QLTT đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm ổn định giá cả, thị trường.

Năm 2016, lực lượng Quản lý thị trường ước thực hiện kiểm tra 3.106 vụ<sup>11</sup>, xử lý vi phạm 1.438 vụ<sup>12</sup> bao gồm: Hàng cấm 119 vụ, hàng lậu 54 vụ, vi phạm về hàng giả và quyền sở hữu trí tuệ 15 vụ, vi phạm trong lĩnh vực giá 6 vụ; vi phạm trong kinh doanh 1.046 vụ, vi phạm về an toàn thực phẩm 76 vụ, vi phạm khác 180 vụ. Tổng số tiền thu phạt nộp ngân sách nhà nước là 6.288,76 triệu đồng<sup>13</sup>.

## **6. Công tác nội vụ, văn phòng, cải cách hành chính:**

### **6.1. Công tác văn phòng và cải cách hành chính:**

Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; đổi tên một số phòng chuyên môn thuộc Sở; thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Công Thương; điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm trong tuyển dụng công chức năm 2016; rà soát, báo cáo số lượng cấp phó trong cơ quan, đơn vị; Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2016 và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2017.

<sup>11</sup> Giảm 973 vụ (tương đương 23,85%) so với năm 2015.

<sup>12</sup> Giảm 246 vụ (tương đương 14,61%) so với năm 2015.

<sup>13</sup> Tăng 924,4 (tương đương 17,23%) so với năm 2015.



- Công tác cải cách hành chính:

Sở Công Thương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 công bố mới 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thương mại biên giới và lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ. Duy trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <http://dvcgialai.ekip.info>, triển khai áp dụng 41 thủ tục hành chính ở mức độ 3.

Đến nay các thủ tục hành chính của Sở đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia, niêm yết công khai tại “Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ”, trên trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: <http://sct.gialai.gov.vn> đảm bảo đúng quy định. Bộ phận “tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ” của Sở đã kiểm tra hồ sơ, hoàn chỉnh thủ tục chuyển các phòng chức năng giải quyết 1.616 hồ sơ thuộc các lĩnh vực của ngành Công Thương<sup>14</sup>, đã giải quyết và trả kết quả 1.596 hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, hiện nay còn 20 hồ sơ đang trong thời gian thẩm định giải quyết, không có hồ sơ trễ hạn.

### **6.2 Công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết đơn thư tố cáo:**

Trong năm 2016, Sở đã thực hiện 7 cuộc thanh tra tại 35 tổ chức và 5 cá nhân thuộc các lĩnh vực hoạt động điện lực; sản xuất và kinh doanh nguyên liệu thuốc lá; an toàn thực phẩm; hoạt động kinh doanh xăng dầu. Không có tổ chức nào có hành vi vi phạm phải xử lý vi phạm hành chính.

Trên cơ sở tiếp nhận 03 hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính, Sở Công Thương đã ra 03 Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với 01 tổ chức và 02 cá nhân đã có hành vi vi phạm, với tổng số tiền xử phạt là 75 triệu đồng.

Tiếp nhận 6 đơn kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, đã chuyển 6 đơn đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

### **6.3. Một số công tác khác:**

Thực hiện các báo cáo: Sơ kết 03 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; phục vụ Hội nghị tổng kết lĩnh vực công thương năm 2015; đánh giá tình hình thực hiện công tác quy hoạch và rà soát các quy hoạch năm 2016, giai đoạn 2016 - 2020 của ngành Công Thương; tổng kết 05 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; báo cáo nội dung tổ chức Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên tổ chức tại Đắk Lắk; tình hình thực hiện tái cơ cấu kinh tế thuộc lĩnh vực ngành Công Thương giai đoạn 2016-2020; tổng kết Đề án 31 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp từ năm 2009 - 2016; tình hình thực hiện chủ trương, chính sách phát triển thị trường nông sản của tỉnh Gia Lai; tình hình triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 49/NQ-CP của Chính Phủ; tình hình phát triển thương mại điện tử tỉnh Gia Lai 2011-2015, định hướng phát triển giai đoạn 2016-2020; tình hình triển khai chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến 2030; báo cáo tình hình hoạt động thương mại biên giới năm 2016; tình hình hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế năm 2016; báo cáo kết quả tham dự Diễn đàn hợp tác kinh tế Việt Nam - Campuchia lần thứ 2 năm 2016 tại Campuchia; báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Đổi

<sup>14</sup> Gồm 554 hồ sơ 1 cửa, 389 hồ sơ biên nhận thông báo khuyến mãi; 58 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.



mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2005 – 2015; tình hình thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp giai đoạn 2009 – 2015; thông tin thực hiện điều chỉnh Quy hoạch hệ thống sản xuất và phân phối thép đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; tình hình thực hiện hoạt động Khuyến công và Tư vấn công nghiệp; thực trạng và các giải pháp phát triển Công nghiệp-Thương mại các huyện, thị xã phía Đông của tỉnh Gia Lai;

Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức 02 hội nghị: Hội nghị phổ biến thông tin về một số Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam tham gia; Hội nghị Phổ biến báo cáo tình hình phát triển kinh tế thương mại khu vực tam giác phát triển CLV và các cơ chế chính sách tạo thuận lợi cho khu vực này.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

Năm 2016, trong điều kiện kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng hoạt động công nghiệp và thương mại của tỉnh tiếp tục có bước phát triển thuận lợi. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước thực hiện năm 2016 ước đạt 16.658,04 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 9,7% so với cùng kỳ. Tuy nhiên do tình hình hạn hán kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2016 ước đạt 44.350,69 tỷ đồng đạt 100,34% kế hoạch và tăng 16,71% so với cùng kỳ; tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 400 triệu USD đạt 100% kế hoạch, tăng 29,03% so với cùng kỳ. Giá mặt hàng cà phê xuất khẩu có chiều hướng tăng nên kim ngạch xuất khẩu có khả năng đạt kế hoạch; tổng kim ngạch nhập khẩu cả năm ước đạt 145 triệu USD, đạt 100% kế hoạch. Việc triển khai công tác khuyến công còn hạn chế như mô hình trình diễn kỹ thuật và ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vẫn còn ít về số lượng và nội dung, các cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ còn quá ít so với nhu cầu của địa phương; tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu hạn chế về số lượng.

Công tác quản lý thị trường, giá cả được tăng cường đảm bảo, cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, phục vụ tốt cho sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. Công tác phối hợp với địa phương huyện, thị xã, thành phố về công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành có nhiều tiến bộ và mật thiết hơn. Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn, tình hình nắng hạn, giá một số mặt hàng nông sản và cao su giảm mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và kim ngạch xuất khẩu.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2017:**

#### **A. Các chỉ tiêu phát triển công nghiệp, thương mại năm 2017:**

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Gia lai; kết quả ước thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2016, Sở Công Thương xây dựng các chỉ tiêu phát triển công nghiệp, thương mại, xuất khẩu năm 2017 như sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) năm 2017 ước thực hiện 18.079 tỷ đồng, tăng 8,53% so với ước thực hiện năm 2016.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2017 là 51.300 tỷ đồng, tăng 15,67% so với ước thực hiện năm 2016.



Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2017 đạt 450 triệu USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ so với ước thực hiện năm 2016.

### **B. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:**

Để thực hiện tốt Kế hoạch năm 2017 về các chỉ tiêu của Ngành Công Thương cần tập trung, phấn đấu triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch của ngành Công Thương đã được phê duyệt: Quy hoạch phát triển công nghiệp đến năm 2020; quy hoạch phát triển hệ thống chợ đến năm 2020; Quy hoạch phát triển ngành thương mại đến năm 2020; Quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 – 2015 và kế hoạch di dời, xây mới và nâng cấp, cải tạo hệ thống cửa hàng xăng dầu.... đồng thời chủ động đề xuất UBND tỉnh phê duyệt các dự án: Dự án quy hoạch phát triển hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020 có xét đến năm 2020; dự án Quy hoạch phát triển hệ thống cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020 có xét đến năm 2025; Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2025 có xét đến 2035.

Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án về công nghiệp và các dự án thủy điện đề đưa vào vận hành trong năm 2017; tập trung khai thác có hiệu quả công suất các nhà máy hiện có, đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai các dự án; chỉ đạo các nhà máy thủy điện thực hiện điều tiết các hồ thủy điện một cách chặt chẽ, hợp lý.

Thực hiện đúng quy định về quản lý giá theo tinh thần Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh; chủ động rà soát cung cầu, xây dựng phương án đảm bảo hàng hóa nhằm bình ổn giá cả thị trường trong dịp Tết nguyên đán Bính Thân 2016. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chỉ đạo Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thương mại tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn” tại huyện trên địa bàn tỉnh. Phối hợp và vận động Công ty cổ phần thương mại Gia Lai thực hiện chủ trương xây dựng mô hình thí điểm về điểm bán hàng Việt do Bộ Công Thương phát động, tạo điều kiện hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tiếp tục tạo điều kiện để đẩy mạnh xuất khẩu. Ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu. Đồng thời rất cần sự quan tâm tạo điều kiện của các Ngân hàng thương mại trong việc giải quyết vốn vay cho các doanh nghiệp; mở rộng quan hệ đối tác trong quan hệ thương mại để thúc đẩy các hoạt động kinh tế biên mậu tại cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Chú trọng tuyên truyền về cơ hội, thách thức trong bối cảnh Việt nam tham gia các Hiệp định thương mại do song phương và đa phương, nhất là tham gia Hiệp định đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP)

Tổ chức các biện pháp đẩy mạnh công tác khuyến công và xúc tiến thương mại. Thực hiện các Đề án do Cục công nghiệp địa phương phê duyệt hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất; hỗ trợ xây dựng thương hiệu; hỗ



trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ Khuyến công cho người làm công tác khuyến công; hỗ trợ xây dựng, đăng ký và chuẩn hóa bộ nhận diện thương hiệu; hỗ trợ máy móc thiết bị kỹ thuật chuyển giao công nghệ; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mãi, tuần “hàng Việt Nam”; chương trình “hàng Việt”; chương trình giới thiệu sản phẩm mới; chương trình giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh; kết nối giao thương, kết nối cung cầu, sự kiện xúc tiến đầu tư, du lịch... Tổ chức phiên chợ hàng Việt đến khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc.

Tăng cường công tác nắm bắt cơ sở, đồng hành cùng doanh nghiệp để tiếp tục tham mưu cho tỉnh tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng thị trường theo tinh thần Nghị quyết 19/NQ-CP và Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, hội nhập Kinh tế. Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, tập trung rà soát đơn giản hóa các thủ tục hành chính theo hướng rút gọn, góp phần giải quyết nhanh, gọn và hiệu quả cho các tổ chức và công dân đến liên hệ công tác.

Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, tiếp tục tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành tại các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh theo yêu cầu của cấp trên. Tiếp tục củng cố, xây dựng mới cơ sở nhân mối, cung cấp thông tin và tăng cường công tác chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt tập trung các lĩnh vực hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm về sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử và các mặt hàng thuốc lá, thực phẩm, mỹ phẩm, phân bón, xăng dầu./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục xúc tiến thương mại;
- Cục Công nghiệp địa phương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Phòng QLCN, QLTM, QLXK, QLNL, TTKC-XTTM;
- Lưu VT, KHTCTH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đào Thị Thu Nguyệt**





**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU ƯỚC NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017**

Chỉ tiêu		Thực hiện năm 2015	KH2016	Thực hiện 10 tháng	Ước TH tháng 11	Ước TH tháng 12	Ước năm 2016	Kế hoạch 2017	So sánh (%)		
									ƯTH năm 2016/ KH 2016	ƯTH năm 2016/ cùng kỳ	KH năm 2017/ ƯTH 2016
<b>1. Tổng MLCHHBL &amp; DT dịch vụ XH</b>	Tỷ đồng	<b>38.000,00</b>	<b>44.200,00</b>	<b>37.299,73</b>	<b>3.462,96</b>	<b>3.486,26</b>	<b>44.350,69</b>	<b>51.300,00</b>	<b>100,34</b>	<b>116,74</b>	<b>115,67</b>
<b>2. KN Xuất khẩu</b>	1000 USD	<b>310.000,00</b>	<b>400.000,00</b>	<b>314.792,52</b>	<b>42.000,00</b>	<b>43.207,48</b>	<b>400.000,00</b>	<b>450.000,00</b>	<b>100,00</b>	<b>129,03</b>	<b>112,50</b>
XKTT	1000 USD										
UTXK	1000 USD										
<b>Mặt hàng xuất khẩu</b>											
1. Cà phê	Tấn	92.950,00	140.000,00	107.486,11	15.000,00	17.513,89	140.000,00	145.000,00	100,00	150,62	103,57
Giá trị	1000 USD	173.444,00		186.618,56	25.500,00	35.881,44	248.000,00	265.000,00		142,99	106,85
2. Mủ cao su	Tấn	6.435,00	12.000,00	8.847,52	1.400,00	1.752,48	12.000,00	22.000,00	100,00	186,48	183,33
Giá trị	1000 USD	10.180,00		11686,37	1.500,00	1.813,63	15.000,00	28.600,00		147,35	190,67
3. Gỗ tinh chế	1000 USD	15.000,00	14.000,00	6.782,45	1.600,00	1.617,55	10.000,00	12.000,00	71,43	66,67	120,00
4. Sản lát	Tấn	77.000,00	80.000,00	94.828,39	7.000,00	8.171,61	110.000,00	130.000,00	137,50	142,86	118,18
Giá trị	1000 USD	17.370,00		17.217,33	1.300,00	1.482,67	20.000,00	26.000,00		115,14	130,00
5 Hàng khác	1000 USD	94.006,00	95.000,00	92.487,81	7.000,00	7.512,19	107.000,00	118.400,00	112,63	113,82	110,65
<b>3. KN Nhập khẩu</b>	<b>1000 USD</b>	<b>140.000,00</b>	<b>145.000,00</b>	<b>140.535,00</b>	<b>2.000,00</b>	<b>2.465,00</b>	<b>145.000,00</b>	<b>120.000,00</b>	<b>100,00</b>	<b>103,57</b>	<b>82,76</b>
<b>Mặt hàng nhập khẩu</b>											
+ Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD	53.000,00		25.640,00	600,00	760,00	27.000,00	16.000,00		50,94	59,26
Nông sản	1000 USD	65.000,00		42.119,00	400,00	481,00	43.000,00	42.000,00		66,15	97,67
hàng khác		22.000,00		72.776	1.000,00	1.224,00	75.000,00	62.000,00		340,91	82,67





**GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP NĂM 2016, KẾ HOẠCH 2017**  
(Giá so sánh 2010)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 10 tháng	Ước TH tháng 11	Ước TH tháng 12	Ước năm 2016	Kế hoạch 2017	So sánh, %		
										ƯTH năm 2016/ KH 2016	ƯTH năm 2016/ cùng kỳ	KH năm 2017/ ƯTH năm 2016
	<b>Toàn ngành</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>15.185.000</b>	<b>16.657.000</b>	<b>12.718.269</b>	<b>1.718.977</b>	<b>2.220.792</b>	<b>16.658.038</b>	<b>18.079.000</b>	<b>100,01</b>	<b>109,70</b>	<b>108,53</b>
1	Khai khoáng	10 <sup>6</sup> đ	237.000	253.000	188.200	18.300	18.500	225.000	186.000	88,93	94,94	82,67
2	Công nghiệp chế biến chế tạo	10 <sup>6</sup> đ	9.552.000	10.084.000	8.277.408	1.120.018	1.602.053	10.999.479	11.402.000	109,08	115,15	103,66
3	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	10 <sup>6</sup> đ	5.337.000	6.250.000	4.195.602	574.359	593.539	5.363.500	6.415.000	85,82	100,50	119,60
4	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải	10 <sup>6</sup> đ	59.000	70000	57.059	6.300	6.700	70.059	76.000	100,08	118,74	108,48





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH  
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017**

S TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 10 tháng	Ước TH tháng 11	Ước TH tháng 12	Ước năm 2016	Kế hoạch 2017	So sánh, %		
										Ư' TH năm 2016/KH 2016	Ư' TH năm 2016/ cùng kỳ	KH năm 2017/ Ư' TH năm 2016
	<b>SẢN PHẨM CHỦ YẾU</b>											
1	Điện SX trên địa bàn	10 <sup>3</sup> kwh	5.055.102	6.212.390	3.815.681	682.276	752.353	5.250.310	6.339.000	84,51	103,86	120,74
1.1	Phần TW quản lý	10 <sup>3</sup> kwh	4.072.122	4.835.200	2.969.886	522.060	587.532	4.079.478	4.835.000	84,37	100,18	118,52
	Phát thủy điện	10 <sup>3</sup> kwh	4.072.122	4.835.200	2.969.886	522.060	587.532	4.079.478	4.835.000	84,37	100,18	118,52
1.2	Phần địa phương quản lý	10 <sup>3</sup> kwh	982.980	1.377.190	845.795	160.216	164.821	1.170.832	1.504.000	85,02	119,11	128,46
2	Đường	tấn	203.407	250.000	135.559	20.250	55.200	211.009	255.000	84,40	103,74	120,85
3	Chè các loại	tấn	1.708	1.720	1.261	255	205	1.721	1.750	100,04	100,75	101,70
4	Tinh bột Sắn	tấn	101.199	100.000	89.353	14.500	19.750	123.603	138.000	123,60	122,14	111,65
5	Gỗ dán ván ép (MDF)	m <sup>3</sup>	40.000	54.000	29.282	4.500	4.500	38.282	54.000	70,89	95,71	141,06
6	Xi Măng	tấn	20.075	10.000	4.200	600	700	5.500	10.000	55,00	27,40	181,82
7	Đá Granit	m <sup>2</sup>	1.256.140	1.260.000	1.046.465	107.100	107.100	1.260.665	1.279.000	100,05	100,36	101,45
8	Gạch các loại	Tr.viên	195	190	163	15,4	15	194	210	102,03	99,41	108,33
9	Phân Vi sinh	tấn	58.997	80.000	15.657	3.500	3.500	22.657	50.000	28,32	38,40	220,69
10	Nước sản xuất - Cty cấp nước GL	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	7.813	7.700	6.455	690	710	7.855	7.900	102,01	100,54	100,57
11	Sản phẩm cơ khí	tấn	10.932	11.780	9.988	987	987	11.962	11.900	101,54	109,42	99,48
12	Sản phẩm sữa	1000 lít	0	20.000	9.300	1.200	1.500	12.000	20.000	60,00		166,66

\* Ghi chú:

- Tính 50% sản lượng của các thủy điện Ia Ly, Sê San 3 và Sê San 4 theo Thông tư số 45/2009/TT-BTC ngày 11/3/2009 của Bộ Tài Chính
- Tính 100% sản lượng của TĐ. Ka Nak và 75% sản lượng của An Khê theo văn bản số 15056/BTC-TCT ngày 8/11/2010 của Bộ Tài Chính